

# Nhật Bản sửa đổi một phần Quy định về ghi nhãn chất lượng hàng dệt may

Nhật Bản - quốc gia nhập khẩu hàng may mặc đứng thứ 3 thế giới chỉ sau Liên minh châu Âu và Mỹ. Thị trường may mặc lớn của Nhật Bản tạo ra cơ hội tiếp cận thị trường đáng kể cho các quốc gia sản xuất hàng may mặc trên toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

Theo thống kê của Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng may mặc của Nhật Bản đạt 23,7 tỷ USD, giảm 5,8% so với năm 2022 do kinh tế nước này đối mặt với nhiều khó khăn với lạm phát và lãi suất cao. Kinh tế Nhật Bản năm 2024 vẫn chưa có nhiều dấu hiệu cải thiện khiến nhu cầu nhập khẩu hàng may mặc của nước này tiếp tục giảm, đạt 17,06 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm 2024, giảm 5,1% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong 9 tháng năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng may mặc từ thị trường Trung Quốc, Bangladesh, Myanmar, Indonesia..., trong khi tăng nhập khẩu từ Việt Nam, Campuchia, Italia...

Trung Quốc tiếp tục là thị trường cung cấp hàng may mặc lớn nhất cho Nhật Bản trong 9 tháng đầu năm 2024, đạt 8,36 tỷ USD, giảm 9,9% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 49% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường này.

Việt Nam là thị trường cung cấp hàng may mặc lớn thứ 2 cho Nhật Bản trong 9 tháng đầu năm 2024, đạt 3,1 tỷ USD, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2023. Tỷ trọng nhập khẩu hàng may mặc của Nhật Bản từ thị trường Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2024 ở mức 18,2%. Như vậy có thể thấy, mặc dù là thị trường cung cấp hàng may mặc lớn thứ 2 cho Nhật Bản, nhưng thị phần hàng may mặc của Việt Nam trong tổng nhập khẩu vẫn thấp hơn rất nhiều so với Trung Quốc.

Trong đó, đáng chú ý là Nhật Bản đang có xu hướng tăng mạnh nhập khẩu

hàng may mặc từ thị trường Campuchia, đạt 949,98 triệu USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2023.

**Thị trường cung cấp hàng may mặc cho Nhật Bản trong năm 2023  
và 9 tháng đầu năm 2024**

Thị trường	Năm 2023 (Nghìn USD)	9 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)
Tổng	23.755.068	17.064.612	-5,1	100,0
Trung Quốc	12.163.339	8.364.657	-9,9	49,0
Việt Nam	4.104.323	3.100.041	2,9	18,2
Campuchia	1.124.683	949.979	9,4	5,6
Bangladesh	1.257.414	916.435	-3,8	5,4
Myanma	1.223.577	811.192	-12,6	4,8
Italia	940.269	715.234	8,2	4,2
Indonesia	800.723	560.536	-8,4	3,3
Thái Lan	348.069	268.598	0,6	1,6
Ấn Độ	234.167	200.768	-0,4	1,2
Romania	144.982	115.789	5,7	0,7
Malaysia	163.888	113.826	-3,7	0,7
Pháp	165.015	126.991	6,5	0,7
Thổ Nhĩ Kỳ	127.908	101.833	-0,2	0,6
Anh	81.903	54.622	-8,0	0,3
Bồ Đào Nha	103.200	84.895	6,6	0,5
Philippine	107.801	75.360	-10,6	0,4
Canada	27.354	22.773	11,7	0,1
Mỹ	67.050	47.169	-8,5	0,3
Hàn Quốc	35.001	37.458	37,3	0,2
Morocco	51.295	42.146	3,8	0,2

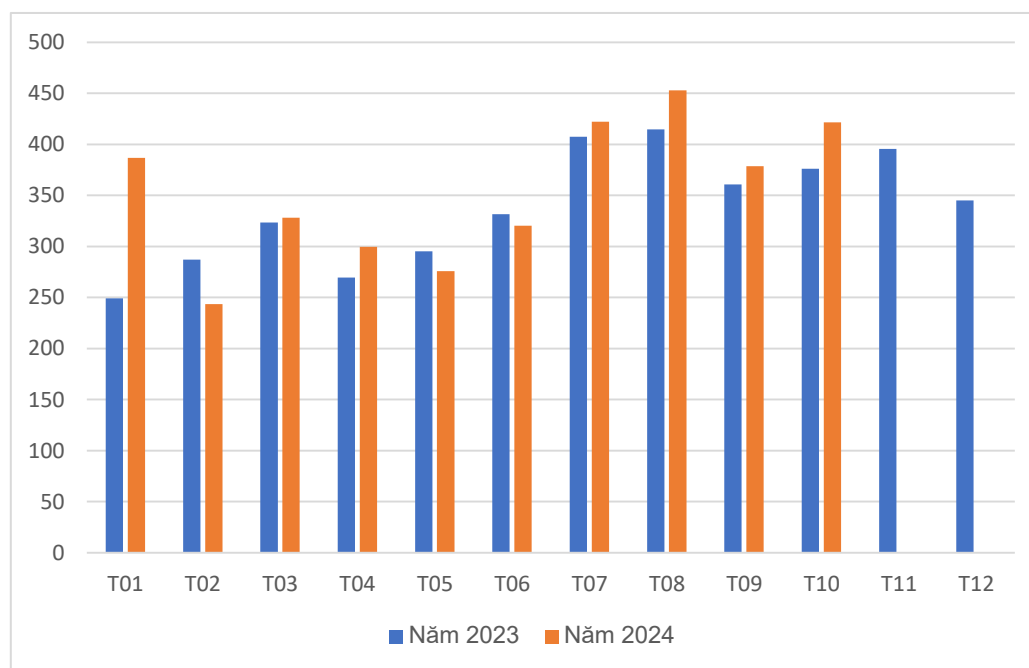
*Nguồn: ITC*

Trong khi theo thống kê của Tổng Cục Hải quan Việt Nam, trong 10 tháng năm 2024, Nhật Bản là thị trường xuất khẩu hàng dệt may lớn thứ 2 của Việt Nam

sau Mỹ, chiếm 11,6% trong tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng của cả nước, đạt 3,55 tỷ USD, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2023. Tính riêng tháng 10/2024, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản đạt 421.4 triệu USD, tăng 12,02% so với tháng 10/2023, mức tăng cao nhất kể từ tháng 2/2024 đến nay.

**Kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản theo tháng năm 2023 – 2024**

*ĐVT: triệu USD*



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 10 tháng năm 2024, Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản chủ yếu áo thun, quần, áo jacket và áo sơ mi với tỷ trọng chiếm 55,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường này. Trong đó, xuất khẩu áo thun, quần áo BHLĐ, áo len và quần áo trẻ em của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản 10 tháng năm 2024 tăng mạnh, trong khi xuất khẩu áo nỉ, áo gile và quần áo bơi giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2023.

Áo thun là chủng loại hàng may mặc có kim ngạch xuất khẩu cao nhất sang thị trường Nhật Bản trong 10 tháng năm 2024, đạt 713,65 triệu USD, tăng 19,2%

so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 20,11% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường này, tăng so với mức 18,07% trong 10 tháng năm 2023.

Quần là chủng loại hàng may mặc có kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản lớn thứ 2 trong 10 tháng năm 2024, đạt 515,5 triệu USD, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 14,53% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm so với mức 15,41% của cùng kỳ năm 2023.

### **Chủng loại hàng may mặc Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản 10 tháng năm 2024**

<b>Chủng loại</b>	<b>10 tháng năm 2024 (nghìn USD)</b>	<b>So với 10 tháng năm 2023 (%)</b>	<b>Tỷ trọng 10 tháng năm 2024</b>	<b>Tỷ trọng 10 tháng năm 2023 (%)</b>
<b><i>Tổng</i></b>	<b><i>3.548.125</i></b>	<b><i>7,0</i></b>	<b><i>100</i></b>	<b><i>100</i></b>
áo thun	713.651	19,2	20,11	18,07
Quần	515.510	0,9	14,53	15,41
áo Jacket	429.000	1,3	12,09	12,78
áo sơ mi	317.261	-0,2	8,94	9,59
Quần áo BHLĐ	266.984	22,6	7,52	6,57
áo len	255.247	22,6	7,19	6,28
Đồ lót	178.115	-2,0	5,02	5,48
Khăn bông	169.310	-5,1	4,77	5,38
Váy	111.030	0,2	3,13	3,34
Quần áo trẻ em	110.723	38,0	3,12	2,42
Bộ quần áo	72.047	12,6	2,03	1,93
Bít tất	63.631	14,4	1,79	1,68
Quần Short	44.555	39,1	1,26	0,97
Hàng may mặc	44.518	-2,9	1,25	1,38
Bộ Comle	37.529	-0,2	1,06	1,13
Găng tay	33.850	-20,1	0,95	1,28
Vải	26.908	13,8	0,76	0,71
áo vest	24.823	107,0	0,7	0,36

<b>Chủng loại</b>	<b>10 tháng năm 2024 (nghìn USD)</b>	<b>So với 10 tháng năm 2023 (%)</b>	<b>Tỷ trọng 10 tháng năm 2024</b>	<b>Tỷ trọng 10 tháng năm 2023 (%)</b>
áo Kimono	23.553	-7,5	0,66	0,77
Quần áo ngủ	20.137	-17,2	0,57	0,73
Quần áo y tế	17.502	-16,6	0,49	0,63
Chăn	11.733	-6,7	0,33	0,38
Quần Jean	10.543	-8,6	0,3	0,35
áo ni	8.680	-65,9	0,24	0,77
áo Gile	5.488	-35,0	0,15	0,25
Quần áo bơi	2.794	-20,0	0,08	0,11
Khăn	2.400	-32,3	0,07	0,11

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*



Do Nhật Bản là một trong những thị trường xuất khẩu hàng dệt may lớn và tiềm năng của Việt Nam, nên việc các doanh nghiệp quan tâm cập nhật những quy định mới của thị trường. Mới đây, ngày 20/8/2024, Nhật Bản đã ban hành Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản JIS L 0001: 2024 về hàng dệt may - Ký hiệu chăm sóc sản phẩm dệt may thay thế cho phiên bản năm 2014.

Phiên bản cập nhật này được ban hành để phù hợp với các ký hiệu và một số biện pháp chăm sóc được nêu trong tiêu chuẩn nhãn chăm sóc ISO hiện hành ISO 3758: 2023.









Đồng thời, Đạo luật dán nhãn chất lượng hàng gia dụng Nhật Bản và Quy định dán nhãn hàng dệt may đã được sửa đổi để áp dụng tiêu chuẩn Nhật Bản đã sửa đổi này.

#### **Những sửa đổi chính như sau:**

<b>Sửa đổi</b>	<b>Chi tiết</b>
1. Phạm vi	<p>Một số miễn trừ đã được đưa vào phạm vi như</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Vỏ bọc không thể tháo rời trên đồ nội thất bọc</li> <li>• Vỏ nệm không thể tháo rời</li> </ul> <p>Thảm và thảm trải sàn cần được vệ sinh chuyên dụng</p>

2. Biểu tượng giặt	Một biểu tượng mới cho chế độ giặt bằng tay ở nhiệt độ 30°C được thiết kế với một thanh ngang bên dưới biểu tượng. 
3. Biểu tượng ủi	Một biểu tượng mới dành cho chức năng ủi không cần hơi nước đã được giới thiệu, bao gồm hình ảnh hơi nước phun ra từ mặt dưới của biểu tượng ủi. 
	Giới hạn nhiệt độ ủi đã được tăng thêm 10°C cho mỗi cài đặt nhiệt độ ủi như ủi mát, ủi ấm và ủi nóng. Ví dụ, nhiệt độ ủi nóng đã thay đổi từ 200°C thành 210°C
4. Giặt khô	Các dung môi giặt khô mới dibutoxymethane hoặc decamethylpentacyclosiloxane đã được thêm vào để thay thế cho phương pháp giặt khô P và F.

### Những thay đổi đồ họa khác trong các biểu tượng

JIS L 0001: 2014 (Phiên bản cũ)	JIS L 0001: 2024 (Phiên bản sửa đổi)	Biểu tượng Mô tả
		Giặt bằng tay, nhiệt độ tối đa 40°C
		Không rửa
		Không tẩy trắng
		Không ủi

**Ngày có hiệu lực:** ngày 20 tháng 8 năm 2024 với thời gian chuyển tiếp là 1 năm.

Lưu ý: Về nguyên tắc, các sản phẩm có biểu tượng chăm sóc JIS cũ vẫn có thể tiếp tục được bán cho đến ngày 19 tháng 8 năm 2025.

Trần Thuý Hà thực hiện